

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: Cao đẳng Ngành: Giáo dục Mầm non Mã số: 51140201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

1.1. Tên học phần: Giáo dục học mầm non 1	1.2. Tên tiếng Anh: Preschool education
1.3. Mã học phần:	1.4. Số tín chỉ: 02
1.5. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	21 tiết
- Thực hành:	10 tiết (5x2)
- Bài tập:	04 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Nguyễn Thị Xuân Hương
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Nguyễn Thị Diễm Hằng ThS.GVC. Nguyễn Thị Thùy Vân ThS. GVC.Hoàng Thị Tường Vi
1.7. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Tâm lý học trẻ em
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Cung cấp những kiến thức lý luận chung về giáo dục học mầm non, các nhiệm vụ giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non, hình thức tổ chức đời sống và hoạt động cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ. Trên cơ sở đó có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào công tác chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng trẻ lứa tuổi nhà trẻ ở trường mầm non.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

Cung cấp những kiến thức cơ bản về lý luận chung của giáo dục mầm non; các nhiệm vụ, nội dung, phương pháp giáo dục trẻ lứa tuổi nhà trẻ; tổ chức đời sống và hoạt động cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ ở trường mầm non

2.2.2. Về kỹ năng

Có khả năng vận dụng tri thức đã học vào công tác chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng trẻ lứa tuổi nhà trẻ ở trường mầm non.

2.2.3. Về thái độ

Hình thành, bồi dưỡng lòng yêu trẻ, yêu nghề và luôn có ý thức phấn đấu trong học tập và rèn luyện để hoàn thiện nhân cách của người giáo viên mầm non.

3. Chuẩn đầu ra (CLO)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
CLO1	Xác định đúng đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của giáo dục học mầm non, mối quan hệ giữa giáo dục học mầm non với các khoa học khác; Hiểu được một số tư tưởng quan niệm về vấn đề giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non và trình bày được những quan điểm cơ bản của giáo dục mầm non Việt Nam
CLO2	Trình bày và phân tích được nhiệm vụ, nội dung, phương pháp của các mặt giáo dục trẻ lứa tuổi nhà trẻ
CLO3	Trình bày và phân tích được những hình thái tổ chức đời sống và hoạt động cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ
CLO4	Vận dụng kiến thức đã học để tổ chức đời sống và hoạt động cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ
CLO5	Thực hiện được các kỹ năng cơ bản trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ lứa tuổi nhà trẻ
CLO6	Luôn có ý thức tự học tập và tự rèn luyện nhận để nâng cao trình độ chuyên môn; Luôn yêu nghề, yêu trẻ, trau dồi các phẩm chất của người giáo viên mầm non.

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R
CLO 2	M	M	M	M	M	M	R	R	M	M
CLO 3	M	M	M	M	M	M	R	R	M	M
CLO 4	M	M	M	M	M	M	R	R	M	M
CLO 5	M	M	M	M	M	M	R	R	M	M
CLO 6	M	M	M	M	M	M	R	R	M	M
Tổng hợp học phần	M	M	M	M	M	M	R	R	M	M

Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Lquan đến CDR	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
---------------------	----------	--------------	--------------	----------------------------	---------------	--------------------------------

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	5%	- Đánh giá toàn bộ quá trình - Đánh giá theo tiêu chí sau: + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài + Tham gia các hoạt động trong giờ học + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên	100%	X	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	Tham gia đầy đủ, tích cực tham gia các hoạt động trong giờ học.
A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	30%	A2.1. Tuần 8: Chương 1 Chương 2	50%	X	CLO 2 CLO 4 CLO 5 CLO 6	Tự luận, bài tập và thực hành
		A2.2. Tuần 15: Chương 3	50%		CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	
A3. Đánh giá cuối kỳ	65%	- Bài kiểm tra cuối kỳ: Chương 1. Những vấn đề chung về Giáo dục học mầm non Chương 2. Nhiệm vụ, nội dung, phương pháp giáo dục trẻ lứa tuổi nhà trẻ Chương 3. Những hình thái tổ chức đời sống và hoạt động cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ	100%		CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	Tự luận, vấn đáp, vấn đáp - thực hành, tiểu luận, trắc nghiệm - tự luận

b. Yêu cầu đối với học phần

Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần / Buổi (3 tiết/ b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/ TH/ TT)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CĐR	PP giảng dạy, tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CĐR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (cột 3 bảng 3)
-------------------------	---	----------------------	----------------------------------	-------------------	---	-------------------------	---------------------------------

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	<p>Chương 1. Những vấn đề chung về Giáo dục học mầm non</p> <p>1.1. Đối tượng của giáo dục học mầm non</p> <p>1.2. Nhiệm vụ của giáo dục học mầm non</p> <p>1.3. Mối liên hệ giữa giáo dục học mầm non với các khoa học khác</p> <p>1.4. Hệ thống phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non</p>	2LT	<p>- Xác định đúng đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của giáo dục học mầm non, mối quan hệ giữa giáo dục học mầm non với các khoa học khác</p>	CLO1 CLO6	<p>- PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận ...</p> <p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p>	<p>- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C1 tài liệu [1])</p> <p>- Hoạt động trên lớp: Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV...</p>	
2	<p>Chương 1 (tiếp)</p> <p>1.5. Một số tư tưởng và quan niệm về vấn đề giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non</p> <p>1.6. Những quan điểm cơ bản của giáo dục mầm non Việt Nam</p>	2LT	<p>- Hiểu được một số tư tưởng quan niệm về vấn đề giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non</p> <p>- Trình bày được những quan điểm cơ bản của giáo dục mầm non Việt Nam</p>	CLO1 CLO6	<p>- PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận ...</p> <p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p>	<p>- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C1 tài liệu [1])</p> <p>- Hoạt động trên lớp: Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV...</p>	
3	<p>Chương 1(tiếp)</p> <p>1.6. Những quan điểm cơ bản của giáo dục mầm non Việt Nam (tiếp)</p>	2LT	<p>- Trình bày được những quan điểm cơ bản của giáo dục mầm non Việt Nam</p>	CLO1 CLO2 CLO6	<p>- PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại,</p>	<p>- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C2 tài liệu [1])</p> <p>- Hoạt động trên lớp: Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời câu</p>	

	<p>Chương 2. Nhiệm vụ, nội dung, phương pháp giáo dục trẻ lứa tuổi nhà trẻ 2.1. Giáo dục thể chất</p>		<p>- Phân tích được khái niệm, ý nghĩa, nhiệm vụ và phương tiện giáo dục thể chất cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ</p>		<p>thảo luận ... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p>	<p>hỏi GV ...</p>	
4	<p>Chương 2. (tiếp) 2.1. Giáo dục thể chất (tiếp)</p>	<p>1LT + 1BT</p>	<p>- Phân tích được nội dung và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ</p>	<p>CLO2 CLO4 CLO5 CLO6</p>	<p>- PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận ... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p>	<p>- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C2 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV và làm bài tập - Bài tập: Đánh giá thực trạng giáo dục thể chất cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ</p>	
5	<p>Chương 2.(tiếp) 2.2. Giáo dục trí tuệ</p>	<p>1LT + 1BT</p>	<p>- Phân tích được khái niệm, ý nghĩa, nhiệm vụ và phương tiện giáo dục trí tuệ cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ - Phân tích được nhiệm vụ, nội dung, phương pháp giáo dục trí tuệ cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ</p>	<p>CLO2 CLO4 CLO5 CLO6</p>	<p>- PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận ... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p>	<p>- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C2 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV và làm bài tập - Bài tập: Đánh giá thực trạng giáo dục trí tuệ cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ</p>	

6	<p>Chương 2.(tiếp) 2.3. Giáo dục đạo đức</p>	1LT + 1BT	<p>- Phân tích được khái niệm, ý nghĩa, nhiệm vụ, điều kiện phương tiện giáo dục đạo đức cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ</p> <p>- Phân tích được nhiệm vụ, nội dung, phương pháp giáo dục đạo đức cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ</p>	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6	<p>- PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận ...</p> <p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p>	<p>- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C2 tài liệu [1])</p> <p>- Hoạt động trên lớp: Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV và làm bài tập</p> <p>- Bài tập: Đánh giá thực trạng giáo dục đạo đức cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ</p>	
7	<p>Chương 2 (tiếp) 2.4. Giáo dục thẩm mỹ</p>	2LT	<p>- Phân tích được khái niệm, ý nghĩa, nhiệm vụ và phương tiện giáo dục thẩm mỹ cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ</p> <p>- Phân tích được nhiệm vụ, nội dung, phương pháp giáo dục thẩm mỹ cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ</p>	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6	<p>- PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận ...</p> <p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p>	<p>- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C3 tài liệu [1])</p> <p>- Hoạt động trên lớp: Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV...</p>	

8	<p>Chương 2. (tiếp) Chương 3. Những hình thái tổ chức đời sống và hoạt động cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ 3.1. Tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ</p>	1BT + 1LT	- Trình bày được nguyên tắc tổ chức chế độ SHNH cho trẻ	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận ... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C3 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV, làm bài tập và kiểm tra - Bài tập: Đánh giá thực trạng giáo dục thẩm mỹ cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ	A2.1
9	<p>Chương 3 (tiếp) 3.1. Tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ (tiếp)</p>	2LT	- Phân tích được nội dung tổ chức CDSHHN cho trẻ	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận ... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C3 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV...	
10	<p>Chương 3 (tiếp) 3.1. Tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ - Thực hành: Xây dựng kế hoạch chi tiết chế độ SHHN cho trẻ theo độ tuổi</p>	1LT + 1TH	Trình bày được đặc thù của việc tổ chức CDSHH cho trẻ theo các độ tuổi khác nhau	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận ... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C3 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV, thực hành theo hướng dẫn	

					dẫn		
11	Chương 3. (tiếp) 3.2. Tổ chức hoạt động giao tiếp cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ	2LT	Trình bày được nội dung tổ chức hoạt động giao tiếp cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận ... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C3 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV...	
12	Chương 3 (tiếp) 3.2. Tổ chức hoạt động giao tiếp cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ (tiếp) - Thực hành: Thiết kế và thể hiện một giờ chơi tập nhằm phát triển ngôn ngữ cho trẻ	1TH + 1LT	Thực hiện được kỹ năng thiết kế và tổ chức hoạt động nhằm phát triển ngôn ngữ cho trẻ	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận ... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C3 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV và thực hành theo hướng dẫn	
13	Chương 3 (tiếp) 3.3. Tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ	2LT	Phân tích được ý nghĩa, đặc điểm và phương pháp tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ - Phân tích các hình , yêu cầu thức tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận ... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C3 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV và thực hành theo hướng dẫn	

					dẫn		
14	<p>Chương 3 (tiếp) 3.3. Tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ</p> <p>- Thực hành: Thiết kế và thể hiện một hoạt động chơi tập có chủ đích cho trẻ năm đầu và năm thứ hai</p>	1LT + 1TH	- Trình bày và vận dụng được việc tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ trong năm đầu và năm thứ hai	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận ... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C3 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV và thực hành theo hướng dẫn	
15	<p>Chương 3 (tiếp) 3.3. Tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ (tiếp)</p> <p>Thực hành: Thiết kế và thể hiện một hoạt động chơi tập có chủ đích cho trẻ năm ba và nhóm trẻ không cùng độ tuổi</p>	2TH	Trình bày và vận dụng được việc tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ trong năm đầu và năm ba và nhóm trẻ không cùng độ tuổi	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận ... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C4 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV, thực hành theo hướng dẫn, ôn tập và kiểm tra	A2.2
Theo lịch thi	Kiểm tra cuối kỳ			CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	-	Làm bài kiểm tra	A3

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
	Giáo trình chính			

1	Trịnh Dân, Đinh Văn Vang	2012	Giáo trình Giáo dục học trẻ em (Tập 1),	NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
2	Nguyễn Thị Xuân Hương	2021	Bài giảng <i>Giáo dục học mầm non 1</i>	Lưu hành nội bộ Trường Đại học Quảng Bình
Sách, giáo trình tham khảo				
3	Nguyễn Thị Hòa	2009	Giáo dục học trẻ em (Tập 2)	NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
4	Đinh Văn Vang	2008	Giáo dục học mầm non	NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
5	Bộ Giáo dục & Đào tạo	2009	Chương trình giáo dục mầm non	NXB Giáo dục Việt Nam

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường A, C	Projector, máy tính cá nhân	01	Chương 1, 2, 3

9. Rubric đánh giá:

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

Rubric 2: Bài tập (Work Assignment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập	Nộp 70% số lượng bài tập được giao. Thời gian nộp chậm hơn quy định 96 giờ trở lên.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Thời gian nộp chậm hơn quy định 48 giờ.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Thời gian nộp chậm hơn quy định 24 giờ.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp.	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước).	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Trình bày đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Trình bày logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

Rubric 3: Tham gia thực hành (Practice Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Ý thức, thái độ	Không có ý thức thực hành hoặc thường xuyên vắng mặt	GV còn phải nhờ trong thực hiện nhiệm vụ và không có tương tác với GV, SV	Có ý thức thực hành nhưng không có tương tác với GV, SV	Có ý thức thực hành nhưng ít tương tác với GV, SV	Rất có ý thức thực hành và tương tác tốt với GV, SV	30%
Thực hiện nhiệm vụ được giao	Không hoàn thành (<30%)	Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 30-50% khối lượng công việc thực hành	Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 51-70% khối lượng công việc thực hành	Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 71-90% khối lượng công việc thực hành	Hoàn thành và cho kết quả tốt >90% khối lượng công việc thực hành	70%

Quảng Bình, ngày....tháng....năm 2021

Trưởng khoa

Phó Trưởng bộ môn

Người biên soạn

TS. Dương Thị Ánh Tuyết

ThS. Hoàng Thị Tường Vi

ThS. Nguyễn Thị Xuân Hương